TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Lan P, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn C, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Lan P trình bày:

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2005, chị P và anh Lý Văn C tổ chức lễ cưới. Sau đó, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 056, quyển số 01 ngày 21 tháng 6 năm 2006, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại ấp T, xã

T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ nhau. Chị P và anh C không còn sống chung từ khoảng tháng 7 năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, chị P và anh C có hai con chung tên Lý Minh K1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2006 và Lý Hồng K2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013, hiện nay các con đang chung sống với chị L, anh C.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Tô Lan P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn C.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lý Hồng K2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lý Minh K1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2006 thì theo nguyện vọng của cháu, muốn sống chung với cha hay mẹ tùy cháu. Nếu cháu K1 có nguyện vọng sống chung với chị P thì chị đồng ý nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K1 đến tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 479/TB-TLVA ngày 12 tháng 12 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lý Văn C, nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao con chung tên Lý Hồng K2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, cháu Lý Minh K1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2006 có nguyện vọng được sống chung với bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu K1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về án phí, nguyên đơn có đơn yêu cầu

xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Tô Lan P và anh Lý Văn C cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C, yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị P đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú đã thụ lý đơn và thông báo cho chị P nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị P đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Tô Lan P là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Lý Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lý Văn C. Nguyên đơn chị Tô Lan P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tô Lan P.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Lan P, sinh năm 1979 và anh Lý Văn C, sinh năm 1978 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 056, quyển số 01 ngày 21 tháng 6 năm 2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Lan P và anh Lý Văn C là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Tô Lan P, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị P, anh C hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến tình cảm không còn. Đến tháng 7 năm 2019, thì chị P, anh C không còn sống chung cho đến nay và chị P, anh C đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Lan P trình bày và yêu

cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lý Hồng K2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lý Minh K1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2006 thì theo nguyện vọng của cháu, muốn sống chung với cha hay mẹ tùy cháu. Nếu cháu K1 có nguyện vọng sống chung với chị P thì chị đồng ý nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K1 đến tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị P là cháu K2, thì từ khi sinh ra đến nay đều do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu K2 do chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu K2 gắn bó với chị P nhiều hơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu K2 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Đối với cháu K1, thì tại biên bản ghi ý kiến ngày 07 tháng 02 năm 2020, cháu K1 thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là anh C nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu K1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K2 và anh C không có yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu K1 đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chị P và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị P, anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Tô Lan P là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Lan P và anh Lý Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Hồng K2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho chị Tô Lan P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, giao cháu Lý Minh K1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2006 cho anh Lý Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị P và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị P, anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Tô Lan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0000325 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Tô Lan P đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn